

Số: 31/NQ-HĐND

Bảo Lạc, ngày 21 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

Về thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch  
đầu tư công năm 2022 huyện Bảo Lạc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC  
KHÓA XX, KỶ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức  
chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06 tháng 4 năm 2020 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 09 năm 2021 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-  
2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Hội  
đồng nhân dân huyện Bảo Lạc về việc phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm  
2022 huyện Bảo Lạc; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân huyện Bảo Lạc về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu  
tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 huyện Bảo Lạc;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Hội  
đồng nhân dân huyện Bảo Lạc về thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu  
tư công năm 2022 huyện Bảo Lạc;

Xét Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban  
nhân huyện Bảo Lạc về v□ d□ th□o Ngh□ quy□t thông qua điều chỉnh, bổ sung kế  
hoạch đầu tư công năm 2022 huyện Bảo Lạc, Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế  
- xã hội của Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng  
nhân dân huyện tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm  
2022 huyện Bảo Lạc như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh, bổ sung: 65.968  
triệu đồng, trong đó:

Điều chỉnh giảm chỉ tiêu 05 dự án đã hết nhiệm vụ chi:

- Trụ sở làm việc xã Hồng An số tiền: 272,613 triệu đồng.
- Trụ sở làm việc xã Sơn Lập số tiền: 181,908 triệu đồng.
- Trụ sở làm việc xã Phan Thanh số tiền: 254,616 triệu đồng.
- Cải tạo, sửa chữa nhà khách UBND huyện Bảo Lạc: 93,584 triệu đồng.
- Sửa chữa sân vận động trung tâm: 96,829 triệu đồng.

Điều chỉnh tăng chỉ tiêu 01 dự án: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT QL34-Nà Ca, xã Huy Giáp với số tiền: 899,550 triệu đồng.

*(Danh mục dự án và mức vốn bố trí như trong biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lạc:

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư triển khai thực hiện thủ tục đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế của địa phương, rà soát Kế hoạch đầu tư công trung hạn, trình Hội đồng nhân dân huyện điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo phù hợp với các mục tiêu kinh tế-xã hội của địa phương và theo quy định của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh. Báo cáo Hội đồng nhân dân huyện theo quy định.

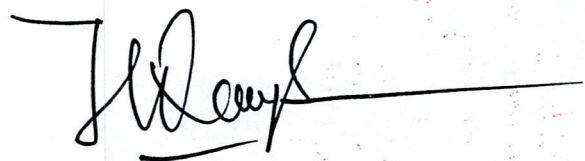
**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Kỳ họp thứ 7 Hội đồng nhân dân huyện khóa XX thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận :**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành đoàn thể huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Văn phòng HĐND –UBND huyện;
- Lưu: VT

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nông Hữu Quyết**

**NGHỊ QUYẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 HUYỆN BẢO LẠC**  
(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bảo Lạc)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2022		Điều chỉnh kế hoạch năm 2022		Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh		Ghi Chú	
					Số Quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSDP	Giảm	Tăng	Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSDP		
																Tổng số
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	<b>Tổng số</b>					<b>122.862</b>	<b>-</b>	<b>81.687</b>	<b>81.687</b>	<b>65.968</b>	<b>65.968</b>	<b>899,550</b>	<b>899,550</b>	<b>65.968</b>	<b>65.968</b>	
<b>1</b>	<b>Thực hiện dự án</b>					<b>122.862</b>	<b>-</b>	<b>81.687</b>	<b>81.687</b>	<b>65.968</b>	<b>65.968</b>	<b>899,550</b>	<b>899,550</b>	<b>65.968</b>	<b>65.968</b>	
<b>A</b>	<b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>					<b>67.360</b>	<b>-</b>	<b>27.530</b>	<b>27.530</b>	<b>11.811</b>	<b>11.811</b>	<b>899,550</b>	<b>899,550</b>	<b>11.811</b>	<b>11.811</b>	
<b>A1</b>	<b>Huyện bố trí</b>					<b>67.360</b>	<b>-</b>	<b>27.530</b>	<b>27.530</b>	<b>11.811</b>	<b>11.811</b>	<b>899,550</b>	<b>899,550</b>	<b>11.811</b>	<b>11.811</b>	
<b>A1.1</b>	<b>Giao thông</b>					<b>24.117</b>	<b>-</b>	<b>10.416</b>	<b>10.416</b>	<b>3.500</b>	<b>3.500</b>	<b>-</b>	<b>899,550</b>	<b>4.400</b>	<b>4.400</b>	
<b>(1)</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</b>					<b>17.617</b>	<b>-</b>	<b>3.916</b>	<b>3.916</b>	<b>1.500</b>	<b>1.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.500</b>	<b>1.500</b>	
1	Đường GTNT Nà Đồng -Bản Thán-Phía Phuong (Giai đoạn II)	xã Xuân Trường	4568,72 m	2020-2021	2931; 30/10/2019	4.517		3.416,0	3.416,0	1.000,0	1.000,0			1.000,0	1.000,0	
2	Đường GTNT Nà Khuổi- Nặm Kẹm Xã Sơn Lộ	Xã Sơn Lộ	5.321m	2019-2021	2490;08/10/2018	13.100		500,0	500,0	500,0	500,0			500,0	500,0	
<b>(2)</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</b>					<b>6.500</b>	<b>-</b>	<b>6.500</b>	<b>6.500</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>-</b>	<b>899,550</b>	<b>2.899,55</b>	<b>2.899,55</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT QL34-Nà Ca, xã Huy Giáp	xã Huy Giáp	Chiều dài: 1.550,69	2021-2022	1034; 09/6/2021	3.500		3.500,0	3.500,0	1.000,0	1.000,0		899,550	1.899,55	1.899,55	
2	Cải tạo, sửa chữa hệ thống thoát nước, lát vỉa hè thị trấn Bảo Lạc	TT Bảo Lạc	495,5m	2021-2022	2256;09/8/2021	3.000		3.000,0	3.000,0	1.000,0	1.000,0			1.000,0	1.000,0	
<b>A1.2</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>					<b>36.997</b>	<b>-</b>	<b>14.223</b>	<b>14.223</b>	<b>6.670</b>	<b>6.670</b>	<b>802,721</b>	<b>-</b>	<b>5.867</b>	<b>5.867</b>	
<b>(1)</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</b>					<b>23.967</b>	<b>-</b>	<b>6.183</b>	<b>6.183</b>	<b>2.606</b>	<b>2.606</b>	<b>709,137</b>	<b>-</b>	<b>1.897</b>	<b>1.897</b>	
1	Trụ sở làm việc xã Hồng An	xã Hồng An	Cấp III	2019-2021	1614; 29/10/2018	8.000		2.070	2.070	771,2	771,2	272,613		498,6	498,6	
2	Trụ sở làm việc xã Sơn Lập	xã Sơn Lập	Cấp III	2019-2021	1616; 29/10/2018	7.967		2.113	2.113	974,0	974,0	181,908		792,1	792,1	
3	Trụ sở làm việc xã Phan Thanh	xã Phan Thanh	Cấp III	2019-2021	1615; 29/10/2018	8.000		2.000	2.000	860,7	860,7	254,616		606,1	606,1	
<b>(2)</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</b>					<b>13.030</b>	<b>-</b>	<b>8.040</b>	<b>8.040</b>	<b>4.064</b>	<b>4.064</b>	<b>93,584</b>	<b>-</b>	<b>3.971</b>	<b>3.971</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà khách UBND huyện Bảo Lạc	TT Bảo Lạc		2021	3464;28/12/2020	5.530		2.540,5	2.540,5	561,5	561,5	93,584		467,868	467,868	

Fol

2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy Bảo Lạc	TT Bảo Lạc				7.500		5.500,0	5.500,0	3.502,7	3.502,7			3.502,7	3.502,7
<b>A1.3</b>	<b>Văn hóa</b>					<b>2.992</b>	-	<b>1.742</b>	<b>1.742</b>	<b>492</b>	<b>492</b>	-	-	<b>492</b>	<b>492</b>
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021					2.992	-	1.742	1.742	492	492	-	-	492	492
1	Tồn tạo Di tích lịch sử nơi thành lập Chi bộ đảng đầu tiên Huyện Bảo Lạc tại Lũng Sâu	xã Hồng An	Công trình dân dụng	2020-2021	2904;28/10/2019	2.992		1.742,0	1.742,0	492,0	492,0			492,0	492,0
<b>A1.4</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>					<b>1.562</b>	-	<b>500</b>	<b>500</b>	<b>500</b>	<b>500</b>	-	-	<b>500</b>	<b>500</b>
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước 31/12/2020					1.562	-	500	500	500	500	-	-	500	500
1	Thủy lợi Nà Sài	TT Bảo Lạc	1.922m	2019-2020	3091;22/7/2021	1.562		500,0	500,0	500,0	500,0			500,0	500,0
<b>A1.5</b>	<b>Thể dục, thể thao</b>					<b>1.692</b>	-	<b>649</b>	<b>649</b>	<b>649</b>	<b>649</b>	<b>96,829</b>	-	<b>552</b>	<b>552</b>
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước 31/12/2020					1.692	-	649	649	649	649	96,829	-	552	552
1	Sửa chữa sân vận động trung tâm	TT Bảo Lạc			2994b;24/10/2018	1.692		649,0	649,0	649,0	649,0	96,829		552,171	552,171
<b>B</b>	<b>VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ (HỖ TRỢ CẢI TẠO SỬA CHỮA) VÀ VỐN KHÁC</b>					<b>55.501</b>	-	<b>54.157</b>	<b>54.157</b>	<b>54.157</b>	<b>54.157</b>	-	-	<b>54.157</b>	<b>54.157</b>
<b>B.1</b>	<b>Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa</b>					<b>51.344</b>	-	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	-	-	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>					<b>42.405</b>		<b>42.405</b>	<b>42.405</b>	<b>42.405</b>	<b>42.405</b>	-	-	<b>42.405</b>	<b>42.405</b>
1	Chuẩn bị đầu tư														
2	Thực hiện dự án					42.405		42.405	42.405	42.405	42.405	-	-	42.405	42.405
2.2	Khởi công mới năm 2022					42.405		42.405	42.405	42.405	42.405	-	-	42.405	42.405
1	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT xóm Đông Vẹn, xã Phan Thanh	xã Phan Thanh	L=1,4km	2022-2023		2.905		2.905	2.905	2.905	2.905			2.905	2.905
2	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT xóm Pác Lác, xã Phan Thanh	xã Phan Thanh	L=1,4km	2022-2023		2.907		2.907	2.907	2.907	2.907			2.907	2.907
3	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT Nà Rại - Khuổi Tằng, xã Cốc Pàng	xã Cốc Pàng	L=1,7km	2022-2023		2.808		2.808	2.808	2.808	2.808			2.808	2.808
4	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT Khuổi Tằng - Cốc Lùng, xã Cốc Pàng	xã Cốc Pàng	L=2,1km	2022-2023		2.808		2.808	2.808	2.808	2.808			2.808	2.808
5	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT xóm Pác Puồng - Duồng Rình, xã Kim Cúc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	xã Kim Cúc	L=2,5km	2022-2023		2.805		2.805	2.805	2.805	2.805			2.805	2.805

6	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT xóm Nà Dương, thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Thị trấn	L=1,6km	2022-2023		2.805	2.805	2.805	2.805	2.805		2.805	2.805
7	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT Po Pán - Lũng Vài, xã Bảo Toàn	xã Bảo Toàn	L=1,9km	2022-2023		2.850	2.850	2.850	2.850	2.850		2.850	2.850
8	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT Nà Rò - Khuổi Duồng, xã Bảo Toàn	xã Bảo Toàn	L=2,3km	2022-2023		2.805	2.805	2.805	2.805	2.805		2.805	2.805
9	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT Ngảm A - Nà Dạn, xã Thượng Hà	xã Thượng Hà	L=1,5km	2022-2023		2.808	2.808	2.808	2.808	2.808		2.808	2.808
10	Cải tạo, sửa chữa đường Thị Trấn - Nà Viêng, xã Thượng Hà, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	xã Thượng Hà	L=1,0km	2022-2023		2.807	2.807	2.807	2.807	2.807		2.807	2.807
11	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT Nà Dạn - Nà Viêng, xã Thượng Hà, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Thượng Hà	L=1,6km	2022-2023		2.804	2.804	2.804	2.804	2.804		2.804	2.804
12	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT Cốc Chom, xã Bảo Toàn	xã Bảo Toàn	L= 1,7km	2022-2023		2.808	2.808	2.808	2.808	2.808		2.808	2.808
13	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT Bán Tuồng, xã Sơn Lộ	xã Sơn Lộ	L=1,4km	2022-2023		2.810	2.810	2.810	2.810	2.810		2.810	2.810
14	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT Pù Mồ, xã Sơn Lộ	xã Sơn Lộ	L=1,4km	2022-2023		2.825	2.825	2.825	2.825	2.825		2.825	2.825
15	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT xóm Phiêng Sáng, xã Cô Ba	xã Cô Ba	L=1,7km	2022-2023		2.850	2.850	2.850	2.850	2.850		2.850	2.850
<b>II</b>	<b>Quốc phòng</b>					<b>5.950</b>	<b>4.922</b>	<b>4.922</b>	<b>4.922</b>	<b>4.922</b>		<b>4.922</b>	<b>4.922</b>
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>												
<b>2</b>	<b>Thực hiện dự án</b>					<b>5.950</b>	<b>4.922</b>	<b>4.922</b>	<b>4.922</b>	<b>4.922</b>		<b>4.922</b>	<b>4.922</b>
<b>2.1</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022</b>					<b>5.950</b>	<b>4.922</b>	<b>4.922</b>	<b>4.922</b>	<b>4.922</b>		<b>4.922</b>	<b>4.922</b>
1	Sửa chữa Kè chống xói lở trạm biên phòng xã Cô Ba	xã Cô Ba			3187;18/11/2020	2.975	2.678	2.678	2.678	2.678		2.678	2.678
2	Cải tạo, sửa chữa trạm biên phòng Nà Bắng, xã Cô Ba	xã Cô Ba			3192b;18/11/2020	2.976	2.244	2.244	2.244	2.244		2.244	2.244
<b>III</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>					<b>2.989</b>	<b>2.673</b>	<b>2.673</b>	<b>2.673</b>	<b>2.673</b>		<b>2.673</b>	<b>2.673</b>
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>												
<b>2</b>	<b>Thực hiện dự án</b>					<b>2.989</b>	<b>2.673</b>	<b>2.673</b>	<b>2.673</b>	<b>2.673</b>		<b>2.673</b>	<b>2.673</b>
<b>2.1</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022</b>					<b>2.989</b>	<b>2.673</b>	<b>2.673</b>	<b>2.673</b>	<b>2.673</b>		<b>2.673</b>	<b>2.673</b>
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã Cốc Pàng, huyện Bảo Lạc	xã Cốc Pàng			3036b;23/10/2020	2.989	2.673	2.673	2.673	2.673		2.673	2.673
<b>B.2</b>	<b>Vốn sự nghiệp giáo dục</b>					<b>3.070</b>	<b>3.070</b>	<b>3.070</b>	<b>3.070</b>	<b>3.070</b>		<b>3.070</b>	<b>3.070</b>
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>												

*JHC*

2	<b>Thực hiện dự án</b>					3.070		3.070	3.070	3.070	3.070		-	3.070	3.070	
2.1	<b>Các công trình khởi công mới năm 2022</b>					3.070		3.070	3.070	3.070	3.070		-	3.070	3.070	
1	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Cốc Pàng, xã Cốc Pàng. Hạng mục: nhà lớp học, nhà ăn, sân bê tông	xã Cốc Pàng		2022-2023		1.270		1.270	1.270	1.270	1.270			1.270	1.270	
2	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non thị trấn Bảo Lạc	Thị trấn	Sửa chữa nhà lớp học. Xây bổ sung phòng học giáo dục thể chất, văn phòng. Sửa chữa các hạng mục ngoài nhà	2022-2023		1.800		1.800	1.800	1.800	1.800			1.800	1.800	
<b>B.3</b>	<b>Tăng thu từ đất</b>					<b>1.087</b>		<b>1.087</b>	<b>1.087</b>	<b>1.087</b>	<b>1.087</b>		-	<b>1.087</b>	<b>1.087</b>	
<b>I</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>					<b>1.087</b>		<b>1.087</b>	<b>1.087</b>	<b>1.087</b>	<b>1.087</b>		-	<b>1.087</b>	<b>1.087</b>	
1	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>															
2	<b>Thực hiện dự án</b>					<b>1.087</b>		<b>1.087</b>	<b>1.087</b>	<b>1.087</b>	<b>1.087</b>		-	<b>1.087</b>	<b>1.087</b>	
2.1	<b>Khởi công mới năm 2022</b>					<b>1.087</b>		<b>1.087</b>	<b>1.087</b>	<b>1.087</b>	<b>1.087</b>		-	<b>1.087</b>	<b>1.087</b>	
1	Nhà làm việc một cửa, các ngành UBND Thị trấn	Thị trấn	01 nhà cấp IV, 01 nhà vệ sinh	2022-2023		1.087		1.087	1.087	1.087	1.087			1.087	1.087	

*Job*